

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày: 15/6/2023

"*V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thiện Phán.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Miên và ông Hoàng Hồng Hà.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Trần Mạnh Hà - Thư ký
Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương
tham gia phiên toà:* Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, Toà án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh
Hải Dương mở phiên toà xét xử vụ án dân sự thụ lý số: 01/2023/ST-DS ngày
13/01/2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ
án ra xét xử số: 05/2023/QĐST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2023; Quyết định
hoãn phiên toà số: 13/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Đỗ Thị C**, sinh năm 1982. *Có mặt.*

Địa chỉ: thôn TK, xã TT, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn K**, sinh năm 1982. *Có mặt.*

Địa chỉ: khu thương mại Ghê- thôn TK, xã TT, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh **Bùi Xuân T**, sinh năm
1981; *Có mặt.*

Địa chỉ: thôn TK, xã TT, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn PA, xã CA, huyện CG, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1974 và chị Vũ Thị H1, sinh năm 1975. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: thôn TK, xã TT, huyện CG, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt.*

+ Chị ChenWeirong, sinh năm 1985 (tên thường gọi Trần Vũ D)

Địa chỉ: thôn TK, xã TT, huyện CG, tỉnh Hải Dương. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại khởi kiện, các lời khai chị Đỗ Thị C và người đại diện theo ủy quyền trình bày: Vợ chồng chị và anh Vũ Văn K là hàng xóm; ngày 25/3/2017, chị cho anh K vay số tiền 500.000.000 đồng để làm ăn, lãi suất 1%/tháng, thời hạn trả gốc, khi cần chị báo trước anh K từ 7 -10 ngày để trả nợ. Anh K đã nhận đủ số tiền vay. Hai bên đã lập giấy vay tiền ngày 25/3/2017, có sự chứng kiến của vợ anh K, chị ChenWeirong (tên thường gọi Trần Vũ D) và anh Nguyễn Quang Tr, chị Vũ Thị H1. Việc vay tiền anh K là người trực tiếp viết giấy, dựa trên sự thỏa thuận tự nguyện.

Quá trình thực hiện việc vay, trả tiền: tháng 01/2018, anh K trả được 200 triệu đồng; trong đó có số tiền 47.300.000đồng là tiền lãi phát sinh trên nợ gốc 500 triệu tính từ 25/3/2017 đến 09/01/2018 (9 tháng + 14 ngày) với lãi suất 1%/tháng. Số nợ gốc trả ngày 09/01/2018 là 152.700.000đồng. Do đó, số nợ còn là 347.300.000đồng và lãi phát sinh.

Ngày 29/12/2022, nguyên đơn đã làm thông báo đòi nợ, nhưng đến nay anh K vẫn chưa trả. Tiền là tài sản chung của chị C anh T. Nay, vợ chồng anh chị yêu cầu anh Vũ Văn K phải trả số tiền gốc 347.300.000đồng + lãi phát sinh trên gốc 347.300.000đồng x 1%/tháng, kể từ 09/01/2018 đến ngày 09/01/2023 (60 tháng) = 208.380.000đồng + tiền lãi phát sinh trên số nợ chưa trả đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trong các lời khai anh Vũ Văn K trình bày: Anh thừa nhận có vay của chị C số tiền gốc 500 triệu đồng. Do có quan hệ tình cảm nên chị C cho anh vay số tiền 500 triệu để làm ăn. Ban đầu hai bên không viết giấy tờ, vì lúc đó quan hệ tình cảm với nhau. Chị C đưa tiền mặt một lần, anh đã nhận đủ số tiền. Thời gian sau, anh đề xuất với chị C làm Giấy vay tiền; chữ ký trong giấy vay tiền ngày 25/3/2017 là do anh ký. Khi lập giấy có sự chứng kiến của anh Tr, chị H1. Sau đó, chỉ khoảng 2-3 tháng sau anh đã trả hết nợ cho chị C. Khi đó có quan hệ tình cảm nên các lần trả tiền chị C, anh không lập giấy tờ gì mà chỉ tự nhớ rồi ghi chú lại. Nay anh không có giấy tờ gì nộp cho Tòa án

chứng minh việc anh đã trả tiền. Việc thỏa thuận lãi suất 1% trong Giấy vay thực tế hai bên không bàn bạc. Anh khẳng định, đã trả số tiền vay 500 triệu cho chị C. Anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Anh Bùi Xuân T và người đại diện theo ủy quyền ông Phạm Văn H trình bày: Vợ chồng anh là hàng xóm gần nhà anh Vũ Văn K. Năm 2017, anh làm việc tại Hàn Quốc, ở nhà chị C (vợ anh) đã dùng tiền tiết kiệm chung của vợ chồng cho anh Vũ Văn K vay 500 triệu đồng. Năm 2022, anh về nước; nay yêu cầu anh Vũ Văn K phải trả số tiền còn nợ. Anh K đã trả được 200 triệu đồng; trong đó số tiền 47.300.000đồng là lãi phát sinh và 152.700.000 đồng gốc. Do đó, số nợ gốc chưa trả là 347.300.000đồng.

Nay, anh Vũ Văn K phải trả cho vợ chồng anh số tiền gốc 347.300.000đồng + lãi phát sinh trên gốc 347.300.000đồng x 1%/tháng từ 09/01/2018 đến ngày 09/01/2023 (60 tháng) = 208.380.000đồng + tiền lãi phát sinh trên số nợ chưa trả đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Những người làm chứng anh Tr, chị H1, chị ChenWeirong (tên thường gọi Trần Vũ D) trình bày: Ngày 25/3/2017, anh chị có chứng kiến việc lập Giấy vay tiền giữa anh K và chị C, ký tên vào phần người chứng kiến, các anh chị không chứng kiến việc giao nhận tiền.

Tại phiên toà: Người đại diện hợp pháp của anh Tuấn, chị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc anh Vũ Văn K phải trả số tiền gốc 347.300.000đồng + lãi phát sinh trên gốc 347.300.000đồng x 1%/tháng từ 09/01/2018 đến ngày 15/6/2023 (64 tháng, 35 ngày) = 226.323.80đồng + tiền lãi phát sinh trên số nợ chưa trả đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Bị đơn anh Vũ Văn K thừa nhận có vay tiền của chị C, nhưng đã trả hết, đến nay không còn nhớ gì vì đã quá lâu. Nay anh K chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nhất trí trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ; người tiến hành tố tụng tại phiên toà; người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 275; Điều 280; Điều 357; 463; 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị C. Buộc anh Vũ Văn K phải trả cho chị C số tiền gốc là: 347.300.000đ và tiền lãi theo quy định (tạm tính đến ngày 15/6/2023); đồng thời buộc anh K phải tiếp tục trả lãi đối với khoản tiền trên kể từ ngày 16/6/2023 đến thời điểm thanh toán xong toàn bộ số tiền gốc và lãi.

- Về án phí: Anh K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; hoàn trả cho chị C số tiền đã tạm ứng án phí tại Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu vụ án, thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Thị C có đơn khởi kiện yêu cầu anh Vũ Văn K thanh toán khoản nợ vay chưa trả. Bị đơn anh Vũ Văn K có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn QD, xã TT, huyện CG, tỉnh Hải Dương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

+. Xét tính pháp lý của Giấy vay tiền giữa chị Đỗ Thị C và anh Vũ Văn K lập vào ngày 25/3/2017 thì thấy: Các đương sự khi ký kết có đủ năng lực hành vi dân sự, thể hiện ý chí; khi giao kết hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc; về hình thức của Giấy biên nhận vay tiền bằng văn bản, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 464, 465, 466 Bộ luật dân sự nên Giấy vay tiền là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ.

Giấy biên nhận vay tiền, các bên không thỏa thuận về thời hạn thanh toán, có thỏa thuận về lãi nên thuộc trường hợp: Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự.

+. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Lời khai của nguyên đơn, bị đơn phù hợp với lời khai của những người làm chứng về việc chị C cho anh K vay tiền; chị C anh T xác định đây là tài sản chung vợ chồng. Anh K và chị C thừa nhận việc có lập Giấy vay tiền, hai bên đã giao nhận đủ tiền vay nên có đủ căn cứ để xác định: anh K vay chị C số tiền gốc 500.000.000đ và đến thời điểm này chưa thanh toán đầy đủ cho chị C là có thật.

Quá trình thực hiện Giấy vay, chị C xác định ngày 09/01/2018 anh K đã trả cho chị 200 triệu đồng; trong đó có số tiền 47.300.000đ tiền lãi phát sinh trên nợ gốc 500 triệu tính từ 25/3/2017 đến 09/01/2018 với lãi suất 1%/tháng. Số nợ gốc đã trả vào ngày 09/01/2018 là 200 triệu -

47.300.000đồng = 152.700.000đồng. Do đó, số nợ gốc còn lại chưa trả là 347.300.000đồng. Anh K khẳng định đã thanh toán hết toàn bộ số tiền vay nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh về việc đã trả tiền. Vì vậy, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các bên giao nộp, HĐXX xác định anh K còn nợ chị C số nợ gốc là 347.300.000đồng, kể từ ngày 09/01/2018.

Đối với yêu cầu thanh toán lãi: Tại Giấy vay tiền hai bên thỏa thuận lãi suất 1%/tháng; quá trình giải quyết anh K không thừa nhận có thỏa thuận về lãi. Xét việc thiết lập giấy mượn tiền của hai bên có giá trị pháp lý; việc thỏa thuận lãi suất phù hợp với quy định Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa anh K thừa nhận việc vay nợ như thỏa thuận là đúng và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi phát sinh của chị C, buộc anh K phải trả cho anh Tuấn chị C lãi phát sinh trên gốc 347.300.000đồng x 1%/tháng, kể từ 09/01/2018 đến ngày 15/6/2023 (64 tháng, 35 ngày) = 226.323.810đồng + tiền lãi phát sinh trên số nợ chưa trả đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ

[3]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho chị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Áp dụng: Điều 463, 464, 465, 466, 469, 470; Điều 357 Bộ luật dân sự. Khoản 1, 2 và khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị C. Buộc anh Vũ Văn K phải có trách nhiệm trả chị Đỗ Thị C, anh Bùi Xuân T số tiền gốc 347.300.000đồng tiền gốc + lãi phát sinh trên gốc 347.300.000đồng x 1%/tháng, kể từ 09/01/2018 đến ngày 15/6/2023 (64 tháng, 35 ngày) = 226.323.810 đồng. Tổng phải trả là 573.623.810đồng.

Kể từ ngày 16/6/2023 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án, mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo Giấy vay tiền là 1%/tháng.

[3]. Về án phí: Anh Vũ Văn K phải chịu **26.940.000đồng** tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Đỗ Thị C số tiền 12.000.000đ tiền tạm ứng án

phí theo biên lai thu số AA/2021/0001803 ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THA dân sự huyện Cẩm Giàng
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thiện Phôn